

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2021/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 08/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1975 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1985 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Vào năm 2006 chị và anh Nguyễn Chí T quen biết đến năm 2007 hai bên gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới có sự chứng kiến của họ hàng thân tộc nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Bảy năm đầu sau khi cưới vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc đến năm 2014 anh T bắt đầu ăn chơi không chăm lo cuộc sống gia đình thậm chí còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn

với anh Nguyễn Chí T. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25/11/2009, hiện N đang sống với chị, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị M trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Do bận đi làm nên chị xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 10/5/2021 bị đơn anh Nguyễn Chí T trình bày như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới anh và chị M sống cùng gia đình anh. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn hay cãi vã nhau. Khoảng tháng 6/2020 chị M tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh có điện thoại nhiều lần để yêu cầu chị M trở về nhưng chị M không về. Nay chị M xin ly hôn anh T đồng ý. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị M có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25/11/2009, sau khi ly hôn tùy con sẽ quyết định sống với cha hay mẹ, nếu con sống với chị M anh không cấp dưỡng nuôi con mà anh làm có được bao nhiêu tiền anh cho con bấy nhiêu. Tài sản chung, nợ chung: không có. Do công việc bận rộn nên anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Chí T; Về con chung: chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25/11/2009, anh Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Chí T đều trình bày không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Nguyễn Chí T hiện đang sinh sống tại xã K, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M đối với anh Nguyễn Chí T, thấy rằng: Về hôn nhân: Nguyễn Thị Tuyết M và anh

Nguyễn Chí T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được thể hiện tại xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K ngày 05/4/2021 và bản thân anh T và chị M cũng xác định anh chị sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm chung sống đến nay mặc dù chị M và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, từ tháng 6/2020 do mâu thuẫn chị M bỏ về nhà mẹ ruột sống và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay chị M xin ly hôn anh T đồng ý ly hôn không có tranh chấp. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Chí T là đúng quy định pháp luật. Về con chung: Anh T và chị M đều thống nhất trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25/11/2009, hiện đang sống chung với chị M, sau khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Phía anh T đồng ý sau khi ly hôn con theo ai người đó nuôi, người không nuôi không phải cấp dưỡng nuôi con, hiện cháu N đang sống với mẹ là chị M và nguyện vọng của cháu N là được sống với với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nhau, nên để không làm xáo trộn cuộc sống của con chưa thành niên khi cha và mẹ ly hôn Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị M là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn: do chị M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về chia tài sản khi ly hôn: Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Chí T đều trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15 khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Chí T.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25/11/2009, anh Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Chí T thống nhất tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000615 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không còn phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi Cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã K (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhớ